

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-ST.

Ngày: 24-12-2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Lệ Hồng.

+ Ông Lê Kim Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Thanh T** - Sinh năm: 1975, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim C** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (hợp đồng ủy quyền ngày 04 tháng 11 năm 2020, chị C có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị N** - Sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2020, bản khai ngày 02 tháng 12 năm 2020, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh T là chị Huỳnh Thị Kim C trình bày: Vào năm 2017, ông T và bà N có thỏa thuận ông T sẽ giao thức ăn chăn

nuôi cho bà N chăn nuôi heo. Theo thỏa thuận thì bà N sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi theo từng đợt khi bán heo (xuất chuồng), thông thường là bốn tháng hoặc năm tháng một lần. Quá trình thực hiện, mỗi lần bán heo thì bà N có thanh toán tiền nhưng không đầy đủ. Đến ngày 20 tháng 4 năm 2020 thì bà N còn nợ số tiền là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng). Kể từ đó cho đến nay thì bà N không có trả khoản tiền nào cho ông T. Nay ông T yêu cầu bà N phải trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn thiếu là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2020 và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Phan Thị N trình bày như sau: Cách nay khoảng ba năm thì bà có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông T, hai bên có thỏa thuận là ông T giao thức ăn cho bà nuôi heo đến khi heo xuất chuồng (bán heo), thông thường là khoảng sáu tháng (vì bà nuôi heo nái đẻ con rồi nuôi heo thịt) thì bà sẽ trả tiền cho ông T. Mỗi lần bán heo, bà đều có trả tiền mua thức ăn cho ông T nhưng không trả hết mà còn thiếu lại khoảng từ năm đến bảy triệu đồng và ông T đồng ý cho thiếu lại. Do việc chăn nuôi bị thua lỗ nên bà mới chưa thanh toán đủ tiền cho ông T và hiện nay còn thiếu lại số tiền là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng). Bà đồng ý trả cho ông T số tiền còn nợ là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 500.000đồng/tháng. Ngoài ra, bà N không trình bày, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên và yêu cầu bà Phan Thị N phải trả cho ông Trần Thanh T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn thiếu là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Phan Thị N giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và đồng ý trả cho ông Trần Thanh T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 500.000đồng/tháng. Ngoài ra, bà N không trình bày, yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đây là vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” - Là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là bà Phan Thị N có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Lời trình bày của ông T cũng như của người đại diện theo ủy quyền của ông T về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo và số tiền bà N còn nợ đã được bà N thừa nhận và phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay bà N còn nợ ông T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) nên bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền này.

[3] Bà N yêu cầu được trả nợ theo phương thức là mỗi tháng trả một lần với số tiền là 500.000đồng nhưng ông T không đồng ý, trong khi đó khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là bà được trả nợ theo phương thức trả dần hàng tháng hay được trả nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà N.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của khoảng tiền phải trả cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T. Cụ thể:

1/ Buộc bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh T số nợ gốc là 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng), ghi nhận việc ông Trần Thanh T không yêu cầu bà Phan Thị N phải trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 425.000đồng (bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003039 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Phan Thị N có nghĩa vụ nộp 850.000đồng (tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên